

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho người học trình độ đại học của Trường Đại học Tây Nguyên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ Đại học được ban hành kèm theo thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ kết luận tại cuộc họp ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Đại học Tây Nguyên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho người học trình độ đại học của Trường Đại học Tây Nguyên”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 1723/QĐ-ĐHTN ngày 17/9/2021 về việc ban hành quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, Quyết định số 2082/QĐ-ĐHTN ngày 26/11/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1723/QĐ-ĐHTN.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan và người học trình độ đại học trường Đại học Tây Nguyên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để b/c);
- Phòng Thanh tra Pháp chế;
- Các Khoa;
- TT. GDQPAN Trường ĐHTN;
- Trung tâm CNTT & TV (đăng Website);
- Lưu: VT, ĐT (T.02b).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS. TS. Nguyễn Văn Nam

QUY ĐỊNH

Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho người học trình độ đại học của Trường Đại học Tây Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định chung về công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ (CNKQHT&CĐTC) của Trường Đại học Tây Nguyên.
2. Quy định này áp dụng đối với người học trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên.

Điều 2. Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.
2. Việc xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ được thực hiện trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình đào tạo, công nhận theo các cấp độ:
 - a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;
 - b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;
 - c) Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.
3. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo; Đối với ngành đào tạo giáo viên thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (khi Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa có hướng dẫn thì thực hiện theo quy định này).

Điều 3. Nguyên tắc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho người học

1. Người học đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy chỉ được CNKQHT&CDTC theo từng học phần (trừ các học phần được công nhận theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 10, 11 Điều này).

2. Người học đã có chứng chỉ hoặc chứng nhận hoàn thành môn học Giáo dục thể chất được miễn môn học Giáo dục thể chất.

3. Người học đã có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng: Số học phần được miễn do Trung tâm Giáo dục Quốc phòng Trường Đại học Tây Nguyên căn cứ các vào quy định hiện hành quyết định.

4. Người học đã có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành: Ngôn ngữ Anh, Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Anh hoặc chứng chỉ Tiếng Anh bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc các văn bằng, chứng chỉ Tiếng Anh tương đương khác, được cấp tại các cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo hoặc công nhận, được miễn học tất cả các học phần Ngoại ngữ thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo.

5. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên các ngành công nghệ thông tin, tin học, tin học ứng dụng hoặc có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản trở lên hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương khác, được cấp tại các cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo, được miễn học phần Tin học đại cương (Tin học, Tin học cơ bản).

6. Không CNKQHT&CDTC đối với các học phần thuộc nhóm “khóa luận tốt nghiệp và các học phần chuyên môn thay thế”.

7. Người học có quyết định tiếp nhận sinh viên chuyển từ cơ sở đào tạo khác đến trường đại học Tây Nguyên hoặc người học đã theo học một chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của trường Đại học Tây Nguyên nhưng không được công nhận tốt nghiệp, tham gia dự tuyển và được trúng tuyển vào các ngành học của trường Đại học Tây Nguyên: Được CNKQHT&CDTC theo từng học phần.

8. Người học đã theo học một chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường khác nhưng không được công nhận tốt nghiệp,

không có quyết định chuyển trường: Chỉ được CNKQHT&CĐTC đối với các học phần có chương trình, giáo trình dùng chung trong cả nước (Lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng,...).

9. Người học theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học: Tùy theo nội dung, chương trình đã theo học, được xem xét CNKQHT&CĐTC theo từng học phần, theo từng nhóm học phần hoặc theo chương trình đào tạo, đảm bảo chất lượng, chuẩn đầu ra của chương trình đang học.

10. Người học đã có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành: Ngôn ngữ Pháp, Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Pháp hoặc chứng chỉ Tiếng Pháp bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc các văn bằng, chứng chỉ Tiếng Pháp tương đương khác, được cấp tại các cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, được miễn học tất cả các học phần Tiếng Pháp thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh".

11. Người học được cử đi học thực tập sinh ở nước ngoài: Khoa đào tạo căn cứ nội dung người học đã được học ở nước ngoài, đối chiếu với chương trình đào tạo người học đang học để đề xuất các học phần/nhóm học phần được CNKQHT&CĐTC.

Điều 4. Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Hội đồng xét CNKQHT&CĐTC của Nhà trường căn cứ đề xuất của Hội đồng Khoa, xem xét hồ sơ CNKQHT&CĐTC của người học, tư vấn cho Hiệu trưởng quyết định việc CNKQHT&CĐTC cho người học.

2. Hội đồng xét CNKQHT&CĐTC được thành lập theo nhiệm kỳ Hiệu trưởng gồm có các thành viên:

- + 01 Lãnh đạo trường làm Chủ tịch hội đồng;
- + Lãnh đạo các Khoa, Viện, phòng Đào tạo, phòng Công tác sinh viên, phòng Thanh tra pháp chế, phòng Quản lý chất lượng, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học làm thành viên;
- + 01 chuyên viên phòng Đào tạo làm thư ký.

3. Hội đồng xét CNKQHT&CĐTC khi họp xét CNKQHT&CĐTC cho người học tùy theo từng trường hợp cụ thể có thể mời thêm các thành viên không phải là thành viên hội đồng (trợ lý khoa, trưởng bộ môn, giảng viên phụ trách

giảng dạy học phần ...) cùng tham gia họp với hội đồng để xem xét cho người học.

Điều 5. Quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ và thời gian thực hiện

1. Quy trình xét

Bước 1. Xét công nhận kết quả học tập và công nhận tín chỉ (cấp khoa)

Hội đồng Khoa căn cứ vào quy định tại Điều 2, Điều 3 của quy định này tiến hành xét CNKQHT&CĐTC cho người học ở cấp khoa. Khoa tổng hợp hồ sơ, bao gồm biên bản họp hội đồng, các tài liệu theo mẫu Phòng Đào tạo cung cấp, bảng điểm và các văn bằng chứng chỉ liên quan của người học (nếu văn bằng, chứng chỉ do đơn vị ngoài trường cấp, phải có văn bản xác minh do phòng Thanh tra Pháp chế xác nhận), trình Hội đồng chuyên môn Nhà trường xem xét (thông qua Phòng Đào tạo).

Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Phòng Đào tạo căn cứ vào hồ sơ từ Khoa chuyển đến, tiến hành kiểm tra hồ sơ CNKQHT&CĐTC cho người học:

- + Trường hợp chưa đạt yêu cầu: Chuyển lại khoa rà soát;
- + Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Thực hiện bước 3.

Bước 3: Xét công nhận kết quả học tập và công nhận tín chỉ (cấp trường)

Phòng Đào tạo đăng ký lịch họp cấp trường sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện từ các khoa;

Khoa chuẩn bị tài liệu gửi các thành viên hội đồng và cử cán bộ trình bày nội dung xét CNKQHT&CĐTC của khoa mình tại cuộc họp cấp trường;

Hội đồng chuyên môn Nhà trường tiến hành họp xét CNKQHT&CĐTC cho người học theo đề xuất của Hội đồng khoa.

Bước 4. Quyết định CNKQHT&CĐTC

Phòng Đào tạo căn cứ vào kết quả xét của Hội đồng chuyên môn Nhà trường soạn thảo Quyết định CNKQHT&CĐTC cho người học và trình Lãnh đạo trường phê duyệt.

2. Thời gian thực hiện

Người học chỉ được xem xét CNKQHT&CĐTC 1 lần duy nhất trong học kỳ đầu tiên của khóa học. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Đối với người học có quyết định chuyển từ cơ sở đào tạo khác về trường, được xem xét CNKQHT&CĐTC 1 lần duy nhất trong vòng 2 tháng kể từ khi có quyết định tiếp nhận sinh viên.

Điều 6. Trách nhiệm của các bên liên quan

1. Phòng Đào tạo

Cung cấp các biểu mẫu, hướng dẫn các khoa trong việc thực hiện công tác CNKQHT&CĐTC;

Kiểm tra tính hợp lệ của các học phần được đề nghị công nhận, đảm bảo thống nhất về mã học phần, số tín chỉ và tên học phần theo chương trình đào tạo.

2. Phòng Thanh tra Pháp chế

Xác nhận tính hợp lệ của các văn bằng, chứng chỉ do các khoa đề nghị để phục vụ công tác CNKQHT&CĐTC.

3. Các khoa đào tạo

Chịu trách nhiệm đối với các học phần được CNKQHT&CĐTC của người học, đảm bảo các học phần được công nhận phải đạt đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Điều 7. Lưu trữ và công khai thông tin

1. Hồ sơ xét CNKQHT&CĐTC được lưu trữ tại các đơn vị chuyên môn với thời gian như sau:

- Lưu trữ vĩnh viễn đối với các hồ sơ:
 - + Quyết định CNKQHT&CĐTC cho người học.
 - + Giấy đề nghị xét CNKQHT&CĐTC của người học (theo mẫu kèm theo).
 - + Biên bản họp xét CNKQHT&CĐTC cho người học của Hội đồng khoa.
 - + Biên bản họp xét CNKQHT&CĐTC cho người học của Hội đồng chuyên môn Nhà trường.
 - + Quyết định thành lập hội đồng xét CNKQHT&CĐTC của Nhà trường.

- Lưu trữ 10 năm sau khi tốt nghiệp đối với bản sao kết quả học tập, văn bằng, chứng chỉ của người học đã theo học ở một chương trình đào tạo khác hoặc một cơ sở đào tạo khác.

2. Công khai thông tin

Công khai kết quả xét CNKQHT&CDTC cho người học và trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

Điều 8. Quy định chuyển tiếp

Đối với các khóa tuyển sinh trước năm 2025, thời gian được xem xét CNKQHT&CDTC được thực hiện đến hết học kỳ 2, năm học 2025-2026.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Quy định này áp dụng đối với người học trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên, có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị góp ý bằng văn bản thông qua phòng Đào tạo để trình Lãnh đạo Trường điều chỉnh cho phù hợp./.

Phụ lục

DANH SÁCH CÁC BIỂU MẪU PHỤC VỤ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ CHO NGƯỜI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHTN ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

1. Giấy đề nghị CNKQHT&CDTC cho người học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày tháng năm 20.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Về việc xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho người học

Kính gửi: Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

Căn cứ theo kết quả học tập người học đã theo học tại các chương trình đào tạo khác phù hợp với điều kiện xét xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ được theo quy định. Hội đồng khoa kính đề nghị Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ xem xét cho người học như sau:

I. Lớp:.....

1. Mã sinh viên: 26307AAA Họ và tên: Nguyễn Văn A Ngày sinh: 20/11/2009

1.1. Lý do đề nghị công nhận: Chuyên trường/học liên thông/Đã có chứng chỉ ngoại ngữ,...

1.2. Danh mục ngành/chứng chỉ đã học:

TT	Ngành/chứng chỉ đã học	Trình độ/Năng lực	Cơ sở đào tạo
1	Chứng chỉ Tiếng Anh VSTEP	Bậc 3	Trường Đại học Văn Lang

2	Bằng tốt nghiệp đại học ngành CNTT	Đại học	Trường Đại học QG Hà Nội
...	...	...	...

1.3. Các học phần được đề nghị CNKQHT&CDTC

Các học phần đã theo học					Các học phần được chuyển đổi tín chỉ					Ghi chú
TT	Tên HP	Khối lượng	Điểm	Thứ tự ngành/CC đã học	TT	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Điểm	
1.3.1 Các học phần đại cương										
- Nhóm học phần Giáo dục thể chất										
1	Thể dục cơ bản và điền kinh	1	6.5	2	1	SP211032	Thể dục cơ bản và điền kinh	1	R	
2	Bóng chuyền cơ bản	1	6.9	2	2	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	R	
Tổng khối lượng đã học:		2			Tổng khối lượng được chuyển:			2		
- Nhóm học phần Lý luận chính trị										
1	Triết học Mác - Lênin	3	7.4	2	1	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	R	
	Tổng khối lượng đã học:	3			Tổng khối lượng được chuyển:			3		
- Nhóm học phần Ngoại ngữ										
1	Chứng chỉ Tiếng Anh VSTEP (5.5)	2	5.5	1	1	FL211011	Tiếng Anh 1	2	R	
					2	FL211012	Tiếng Anh 2	2	R	
	Tổng khối lượng đã học:	4			Tổng khối lượng được chuyển:			4		
- Nhóm các học phần đại cương khác										
1	Hóa học đại cương	2	4.3	2	1	KC211063	Hóa học đại cương	2	R	
2	Tin học đại cương	2	7.4	2	2	KC211027	Tin học đại cương	2	R	
3	Kỹ năng mềm	2	9	2	3	KT212202	Kỹ năng mềm	2	R	
	Tổng khối lượng đã học:	6			Tổng khối lượng được chuyển:			6		
1.3.2. Nhóm học phần cơ sở ngành và chuyên ngành										
1	Học phần A1	2	6	2	1	AABBCC	Cơ sở 1	2	R	

Các học phần đã theo học					Các học phần được chuyển đổi tín chỉ					Ghi chú
TT	Tên HP	Khối lượng	Điểm	Thứ tự ngành/CC đã học	TT	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Điểm	
2	Học phần A2	2	5	2	2	BBCCDD	Chuyên ngành 1	2	R	
Tổng khối lượng đã học:					Tổng khối lượng được chuyển:					

Tổng học phần được chuyển đổi tín chỉ

Tổng cộng: sinh viên.

**TM. HỘI ĐỒNG KHOA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

2. Mẫu dữ liệu nhập vào phần mềm quản lý đào tạo

Nhập trên file excel theo cấu trúc bên dưới, không thay đổi tiêu đề, định dạng thứ tự các cột

STT	TT1	TenHP1	KhoiLuong	Diem1	TT2	MaHP	TenHP2	TinChi	Diem2	GhiChu	MaSV
1	1	Thế dục cơ bản và điền kinh	1	6.5	1	SP211032	Thế dục cơ bản và điền kinh	1	R		26307AAA
2	2	Bóng chuyền cơ bản	1	6.9	2	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	R		26307AAA
3	3	Triết học Mác - Lênin	3	7.4	3	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	R		26307AAA
4	4	Chứng chỉ Tiếng Anh VSTEP (5.5)	2	5.5	4	FL211011	Tiếng Anh 1	2	R		26307AAA
					5	FL211012	Tiếng Anh 2	2	R		26307AAA
...	...				...	...	...	...	...		26307AAA